|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM |  |  |
| **KHOA/PHÒNG** : ....................................... |  | (Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính) |

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN NĂM 2018**

**KHOA/PHÒNG .................**

Đến 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ban kiểm kê gồm: |  |  |
| Ông/Bà:………………... ………………... | Chức vụ: ………………...………………... | Trưởng ban kiểm kê đơn vị |
| Ông/Bà:………………... ………………... | Chức vụ: Trợ lý vật tư đơn vị | Ủy viên |
| Ông/Bà:………………... ………………... | Chức vụ: ………………...………………... | Ủy viên |
| Ông/Bà:………………... ………………... | Chức vụ: ………………...………………... | Ủy viên |
| …………………………………… | …………………………………………….. | ………………… |

Đã kiểm kê TSCĐ của ………………………………………………….., kết quả như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài sản cố định** | **Mã số TSCĐ/Năm đưa vào sử dụng** | **Nơi sử dụng/ Vị trí tài sản** | **Theo sổ kế toán** | | | **Theo kiểm kê** | | | **Chênh lệch** | | | **Ghi chú** |
| **Số lượng** | **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** | **Số lượng** | **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** | **Số lượng** | **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | E |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ý kiến giải quyết số chênh lệch:…………………………………………………………………………………………………

Biên bản được lập thành 03 bản, đơn vị quản lý tài sản giữ 01 bản, Ban QLCSVC&ĐT giữ 01 bản, Ban TC&KT giữ 01 bản.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Trợ lý vật tư đơn vị** | **Trưởng ban kiểm kê** |
| **Họ tên và chữ ký thành viên khác tham gia kiểm kê tài sản** | |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Ghi chú: Đơn vị sử dụng tài sản kiểm kê điền thông tin cho các cột A, B, C, D, 1, 2, 4, 5,7, 8